TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/06/2025 .
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thư
2. Bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Nh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 22/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Nh, sinh năm 2004
Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Bùi Phương D, sinh năm 1997
Trú tại: Thôn Y, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2025, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Cao Thị Nh trình bày: Chị và anh Bùi Phương D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Yên, huyện Cẩm Thủy vào ngày 13/9/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian rồi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình gây ảnh hưởng đến kinh tế, có hành vi bạo lực gia đình đe dọa đến tính mạng của chị. Xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc D Anh, sinh ngày 23/10/2022. Hiện nay cháu Anh đang ở cùng với chị Nh, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Phương D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Giấy triệu tập cho anh D, nhưng anh vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh đối với người thân của anh D là ông Bùi D Q (bố đẻ của anh D). Ông Q cho biết: Chị Cao Thị Nh va anh Bùi Phương D tự nguyện kết hôn vào năm 2022 và sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình ông. Trong quá trình chung sống tại gia đình không thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì. Chị Nh và anh D ly hôn gia đình cũng biết và đã khuyên ngăn nhưng không thành. Việc Ly hôn là vợ chồng tự quyết định gia đình cũng không áp đặt, các con tự lựa chọn. Hiện nay, anh D đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và về nhà. Ông Q đã nhận giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông Q cam đoan đã thông báo và giao lại cho anh D. Do bận công việc nên anh D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Cao Thị Nh được ly hôn anh Bùi Phương D.

Về con chung: Vợ chồng có có 01 con chung là Bùi Ngọc D Anh, sinh ngày 23/10/2022. Giao cháu D Anh cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Cao Thị Nh làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Bùi Phương D trú tại: Thôn Y, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị Cao Thị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự

Anh Bùi Phương D hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại Công an xã Cẩm Yên, anh D có hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh đang đi làm ăn nhưng không có địa chỉ cụ thể, anh vẫn thường xuyên về quê, anh D đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết. Căn cứ vào khoản 3 điều 40, điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là Thôn Y, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

Anh D đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được đã tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy tiến hành xét xử vắng mặt anh D. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị Nh và anh Bùi Phương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Yên nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn

nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị Nh và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ham chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Nh. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị Nh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có có 01 con chung là Bùi Ngọc D Anh, sinh ngày 23/10/2022. Giao cháu Bùi Ngọc D Anh cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, 82, 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 96, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Cao Thị Nh được ly hôn anh Bùi Phương D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Ngọc D Anh, sinh ngày 23/10/2022. Giao cháu Bùi Ngọc D Anh cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Nh không yêu cầu giải quyết. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/24 số 0000811, ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị Nh đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- UBND xã Cẩm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã Cẩm Ngọc.
- UBND xã Triệu Thành.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết